TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ- TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến N.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như T và ông Lê Đình Đ.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh N -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Y H L, kiểm sát viên.

Ngày /2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2019 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn T, xã TA, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã TA, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Bảo N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 02/6/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ chồng ở thôn Tân Lập, xã TA, huyện Đ, tỉnh G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh V không lo làm ăn mà thường xuyên đánh đập chị. Mặc dù đã được sự hòa giải của hai bên gia đình nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không khắc phục được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ và ly thân nhau phần ai nấy sống từ ngày 15/02/2018.

Hôm nay chị Nxét thấy thời gian ly thân nhau đã lâu, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Thế V được ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Mai K sinh ngày 22/6/2017, hiện nay đang sống với mẹ. Nếu ly hôn chị N yêu cầu giao cho chị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con vì chị làm công nhân có thu nhập ổn định hàng tháng trung bình 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị Nkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nkhai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Thế V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về vệc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyên, cho chị N được ly hôn với anh V. Về con chung: giao cho chị Ntiếp tục nuôi cháu K khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thế V có nơi cư trú ở thôn T, xã TA, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy chị Trần Thị Bảo N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Thế V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 02/6/2016. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Thế V là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bảo N: Chị N cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập chị. Vì vậy chị Nđã về nhà cha mẹ đẻ sống, chị và anh V đã chấm dứt mọi quan hệ và ly thân nhau từ tháng 02/2018.

Trong thời gian Tòa án giải quyết đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh V đều không đến nên không có lời khai về việc giải quyết vụ án. Như vậy thể hiện anh V đã không còn quan tâm gì đến cuộc sống vợ chồng với chị Nnữa. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nvà anh V như vậy là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ntheo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về con chung: Chị Trần Thị Bảo N có 01 con chung là Nguyễn Trần Mai K, sinh ngày 22/6/2017, hiện nay đang sống với mẹ.

Xét yêu cầu của chị Nlà giao cho bà Nguyên được trực tiếp nuôi con cho đến lúc trưởng thành: Hội đồng xét xử nhận thấy từ trước đến nay con sống gần gũi với chị Nhơn anh V và chị Ncó đủ điều kiện chăm sóc, đảm bảo quyền lợi để con phát triển mọi mặt nên chấp nhận yêu cầu của chị Ngiao cháu K cho chị Ntiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

6. Về nợ chung: Chị Trần Thị Bảo N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí: Chị Trần Thị Bảo N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bảo N. Chị Trần Thị Bảo N được ly hôn với anh Nguyễn Thế V.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Bảo N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trần Mai K, sinh ngày 22/6/2017 khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu anh Nguyễn Thế V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên

gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Bảo N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004416 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị Trần Thị Bảo N đã nộp đủ án phí.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019) đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh G;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Yến N